

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc ngành Công Thương
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 325/TTr-SCT
ngày 27 tháng 10 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số thủ tục hành



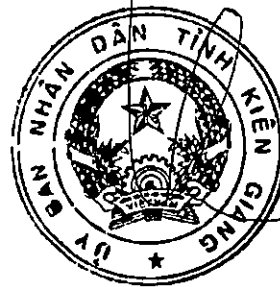
chính ngành Công Thương được công bố tại quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./. #2

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh;
- LĐVP, TT.PVHCC, CVNC;
- Lưu: VT, hvathien.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín





DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

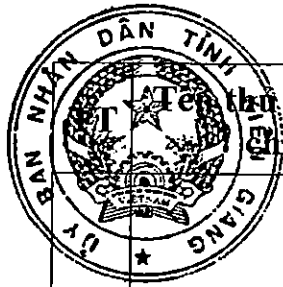
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2628 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính
LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (01 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

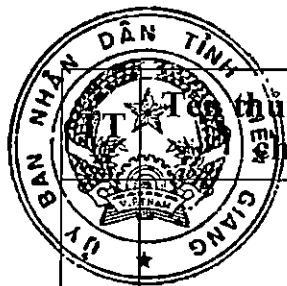
TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC: AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)					
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	- Trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở.	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày



	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”		thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.	28 tháng 11 năm 2018.
02	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018.



Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực - Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”. c) Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. d) Trường hợp cơ sở thay đổi			



Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.			

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
LĨNH VỰC: ĐIỆN (05 TTHC)					
1	- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương



Tên thủ tục hành chính được thay thế		Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	ngành tại địa phương				
2	- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương
3	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương
		Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương
4	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương
		Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày	Điện	Sở Công Thương



Tên thủ tục hành chính được thay thế		Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		lễ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	08/12/2020		
5	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương
		Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	- Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020	Điện	Sở Công Thương

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC: HÓA CHẤT (01 TTHC)		
01	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	Thông tư 37/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
II. LĨNH VỰC: ĐIỆN (05 TTHC)		

Handwritten signature



	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
01	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 6 tháng 10 năm 2020 Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương
02	Cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 6 tháng 10 năm 2020
03	Cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 6 tháng 10 năm 2020
04	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 6 tháng 10 năm 2020
05	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 6 tháng 10 năm 2020

42